

Số: 790/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên trong Kế hoạch triển khai, thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 – 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 -2020;

Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011 – 2020;

Thực hiện Công văn số 1463/BNV-CTTN ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Nội vụ về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án phát triển thanh niên.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 655/SNV ngày 28 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên trong Kế hoạch triển khai, thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 – 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp, xây dựng và trình Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển thanh niên Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi không điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Vụ Công tác thanh niên);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Tỉnh đoàn Quảng Ngãi;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi;
- Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP(NC), CBTH;
- Lưu: VT, NC_{1mc376}


CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH
Le Quang Thich
Lê Quang Thích

PHỤ LỤC

BIỂU RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN THANH NIÊN TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THANH NIÊN VIỆT NAM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số: 78/2016/QĐ-UBND ngày 09/15/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Nội dung mục tiêu

Số TT	Nội dung mục tiêu	Chỉ tiêu đề ra giai đoạn 2012-2015 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Kết quả đạt được giai đoạn 2012-2015 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Điều chỉnh, bổ sung ở giai đoạn 2016-2020 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Ghi chú
1	Hàng năm thanh niên là công chức, viên chức, học sinh, sinh viên, thanh niên trong lực lượng vũ trang được học nghị quyết của các cấp ủy đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đời sống, học tập và việc làm của thanh niên	100% thanh niên	100%	100% thanh niên	
2	Thanh niên ở nông thôn, đô thị và thanh niên là công nhân được học nghị quyết của các cấp ủy đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đời sống, học tập và việc làm của thanh niên đến năm 2020	80% thanh niên ở nông thôn, đô thị và thanh niên là công nhân	100%	80% thanh niên ở nông thôn, đô thị và thanh niên là công nhân	
3	Thanh niên đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương đến năm 2020	Phấn đấu đạt 90%	80%	Phấn đấu đạt 90% (Điều chỉnh đối tượng: "thanh niên là học sinh"	
4	Thanh niên trong lực lượng lao động được đào tạo nghề đến năm 2020	70%	40%		
5	Thanh niên học sinh được giáo dục hướng nghiệp đến năm 2020	100%	60%		
6	Cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi thanh niên công tác tại khu vực đô thị và đồng bằng biết sử dụng ít nhất 01 ngoại ngữ.	Phấn đấu đạt 100% BS		Phấn đấu đạt 100% BS	Bổ sung mới
7	Cán bộ, công chức, viên chức là người kinh trong độ tuổi thanh niên công tác tại vùng dân tộc thiểu số sử dụng được 01 thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác đến năm 2020.	Phấn đấu đạt 100% BS		Phấn đấu đạt 100% BS	Bổ sung mới

Số TT	Nội dung mục tiêu	Chỉ tiêu đề ra giai đoạn 2012-2015 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Kết quả đạt được giai đoạn 2012-2015 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Điều chỉnh, bổ sung ở giai đoạn 2016-2020 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Ghi chú
8	Phấn đấu mỗi năm tổ chức chuyển giao, tư vấn khoa học kỹ thuật, công nghệ cho (5.000) 1.000 thanh niên nông thôn, công nhân;	Phấn đấu đạt 5.000 thanh niên/năm	10%	Phấn đấu đạt 1.000 thanh niên/năm (Điều chỉnh từ 5.000 xuống 1.000)	Điều chỉnh giảm
9	Bồi dưỡng và nâng cao năng lực về quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức trẻ cấp xã hàng năm	Ít nhất 20%	100%		Đề xuất thay thế bằng các chỉ tiêu khác
10	Thanh niên công chức, viên chức được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm hàng năm	90%	90%		Đề xuất thay thế bằng các chỉ tiêu khác
11	Cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ hàng năm	Ít nhất 80%		Ít nhất 80%	Bổ sung mới
12	Cán bộ, công chức được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ hàng năm	Ít nhất 70%		Ít nhất 70%	Bổ sung mới
13	Viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đến năm 2020.	Ít nhất 60% viên chức		Ít nhất 60% viên chức	Bổ sung mới
14	Viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành hàng năm.	Ít nhất 60%		Ít nhất 60%	Bổ sung mới
15	Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên đến năm 2020	100%		100%	Bổ sung mới
16	Công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm đến năm 2020	90%		90%	Bổ sung mới
17	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ hàng năm	Ít nhất 60%		Ít nhất 60%	Bổ sung mới

Số TT	Nội dung mục tiêu	Chỉ tiêu đề ra giai đoạn 2012-2015 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Kết quả đạt được giai đoạn 2012-2015 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Điều chỉnh, bổ sung ở giai đoạn 2016-2020 (Tỷ lệ % hoặc số lượng)	Ghi chú
18	Thanh niên trong độ tuổi thi hành Luật Nghĩa vụ quân sự hàng năm	Đạt 100% và không có trường hợp đào ngũ	100%	Đạt 100% và không có trường hợp đào ngũ	
19	Thanh niên trong lực lượng Dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên thực hiện tốt Chương trình huấn luyện công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hàng năm	Đạt 100%	100%	Đạt 100%	
20	Phấn đấu hàng năm thanh niên trong Chi đoàn dân quân tự vệ ở cơ sở hoạt động có hiệu quả	95%	100%	95%	
21	Phấn đấu hàng năm thanh niên trong Đội thanh niên xung kích an ninh ở cơ sở hoạt động có hiệu quả	85%	100%	85%	
22	Học sinh, sinh viên thực hiện tốt Chương trình giáo dục Quốc phòng trong các trường Phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học của tỉnh hàng năm	Phấn đấu đạt 100%	100%	Phấn đấu đạt 100%	
23	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên lao động tự do và thanh niên lao động ở các khu công nghiệp, khu kinh tế hàng năm	80% BS	100%	80% BS	
24	Thanh niên trước khi đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được học tập, phổ biến các quy định pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại và các văn bản pháp lý có liên quan về quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động;	100%	100%	100%	
25	Giải quyết việc làm mới cho thanh niên hàng năm	Phấn đấu ít nhất 10.000/năm	103%	Phấn đấu ít nhất 10.000/năm	
26	Thanh niên được tư vấn về nghề nghiệp và việc làm hàng năm	80%	100%	80%	
27	Thanh niên được trang bị kỹ năng sống, kiến thức về bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản, xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng chống bạo lực gia đình đến năm 2020	Ít nhất 80% thanh niên	100%	Ít nhất 80% thanh niên	
28	Hàng năm tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng làm cha mẹ cho thanh niên đến tuổi kết hôn	Ít nhất 60%	100%	Ít nhất 60%	
29	Hàng năm mỗi cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi thanh niên tổ chức hoặc tham gia ít nhất 01 hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ thu hút thanh niên tham gia	Ít nhất 01 hoạt động		Ít nhất 01 hoạt động	Bổ sung mới
30	Chiều cao bình quân của nam thanh niên đủ 18 tuổi đến năm 2020	1,67m		1,65m (Điều chỉnh từ 1,67m xuống 1,65m)	
31	Chiều cao bình quân của nữ thanh niên đủ 18 tuổi đến năm 2020	1,56m		1,56m	